TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06-01-2022
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nghị
2. Bà Phạm Thị Huệ

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Trung Đức - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc: " Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2021/QĐXX-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị G, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

(Anh T và chị G xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị G kết hôn cùng nhau là do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở Uỷ ban nhân dân (viết tắt UBND) xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 15-4-2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban

được nhau trong cuộc sống hàng ngày. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào năm 2015, vợ chồng không khắc phục được đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện Hưng Hà giải quyết cho anh được ly hôn chị G.

Về nuôi con chung: Anh và chị G có 02 con chung là Phạm Tiến D, sinh ngày 19-10-2019 và Phạm Khánh L, sinh ngày 05-7-2014. Nếu ly hôn anh nhường chị G trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh nhất trí góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị G mỗi tháng mỗi con là 1.250.000 đồng, hai con là 2.500.000 đồng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc bận, dịch bệnh đi lại khó khăn nên anh không đến Tòa án được, anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa anh và chị G.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, bị đơn chị Phạm Thị G trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn cùng nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 15-4-2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng làm ăn tại thành phố Hà Nội một thời gian. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Sau thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ ở xã N, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định sinh sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày. Mâu thuẫn căng thẳng, hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị nhất trí ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Phạm Tiến D, sinh ngày 19-10-2019 và Phạm Khánh L, sinh ngày 05-7-2014. Nếu ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu anh T góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng mỗi con là 1.250.000 đồng, hai con chung một tháng là 2.500.000 đồng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc bận, dịch bệnh phức tạp nên chị không đến Tòa án được, chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị và anh T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát sự tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập

chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, anh T và chị G đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh T và chị G xin vắng mặt, Tòa án đã căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn chị Phạm Thị G; về nuôi con chung: Giao 02 con chung Phạm Tiến D, sinh ngày 19-10-2019 và Phạm Khánh L, sinh ngày 05-7-2014 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị G mỗi tháng mỗi con là 1.250.000 đồng, hai con chung là 2.500.000 đồng đến khi các con chung đủ 18 tuổi; về chia tài sản chung: Không giải quyết; về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí góp cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và tố tụng*: Anh Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị Phạm Thị G, chị G có địa chỉ tại thôn L, xã N, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định nhưng chị G có đơn lựa chọn đề nghị TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giải quyết. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Anh T và chị G đề nghị Tòa án không hòa giải và xin vắng mặt nên TAND huyện Hưng Hà tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị G theo quy tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Anh Phạm Văn T kết hôn với chị Phạm Thị G tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào 15-4-2009, là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hòa thuận, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, anh T và chị G không khắc phục được đã sống ly thân từ khoảng năm 2015 đến nay. Hội đồng xét xử thấy: Anh T và chị G mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị G, chị G nhất trí ly hôn vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị G là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Anh T và chị G có 02 con chung Phạm Tiến D, sinh ngày 19-10-2019 và Phạm Khánh L, sinh ngày 05-7-2014, hiện cả 02 con

chung do chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T và chị G thống nhất để chị G trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh T có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị G mỗi tháng mỗi con là 1.250.000 đồng, hai con chung một tháng là 2.500.000 đồng đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Vì vậy cần giao cả 02 con chung Phạm Tiến D và Phạm Khánh L cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, anh T phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị G mỗi tháng mỗi con là 1.250.000 đồng, hai con chung một tháng là 2.500.000 đồng đến khi các con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về chia tài sản*: Anh T và chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không giải quyết.

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà về hướng giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Anh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí góp cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị G.

2.Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị G trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Phạm Tiến D, sinh ngày 19-10-2019 và Phạm Khánh L, sinh ngày 05-7-2014. Anh T phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị G mỗi tháng mỗi con là 1.250.000 đồng, hai con chung một tháng là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 01 năm 2022 đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng tiền án phí góp cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003449 ngày 01-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, anh T còn phải nộp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Bích Thủy